

慧  
啟  
文集



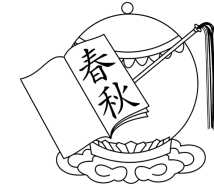
HUỆ KHẢI

KINH CỨU KHỔ  
TRONG  
ĐẠO CAO ĐÀI

Sách ấn tống.  
Không bán.

TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH CỨU KHỔ  
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI



Gia đình hiền huynh **TRẦN NGỌC TUẤN**  
và hiền tỷ **LÂM THỊ MAI TRINH**  
(cư xá Lữ Gia, quận 11) ấn tống hai ngàn quyển.  
Kính nguyện hồi hướng giác linh  
thân phụ (ĐH Trần Ngọc Tỷ, 1925 - 08.8.2002),  
thân mẫu (ĐT Nguyễn Thị Chắt, 1931 - 09.9.2011),  
thân phụ (ĐH Lâm Ngọc Hiền, 1928 - 27.4.1983),  
và bào huynh (ĐH Lâm Văn Năm, 1955 - 07.4.2008).

\*

Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**  
(Phó Hội Trưởng thánh thất Bàu Sen)  
và gia đình ấn tống một ngàn quyển.  
Kính nguyện hồi hướng cứu huyền thất tổ  
và tứ thân phụ mẫu.

**HUỆ KHẢI**  
(Dữ Lan LỄ ANH DŨNG)

# KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

*In lần thứ Hai*

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**  
Hà Nội 2010

## Đôi lời

Từ xưa tới nay *kinh Cứu khổ* rất phổ biến trong cộng đồng Phật tử các nước chịu nhiều ảnh hưởng kinh Phật Hán tạng. Dĩ nhiên không tránh khỏi có một số dị bản lưu truyền trong dân gian nơi này nơi khác.

Đạo Minh Sư từ Trung Quốc truyền sang Việt Nam năm 1863, đời vua Tự Đức, do tổ thứ mười lăm là Đông Sơ. Trước tiên, Tổ sư lập ngôi chùa tên là Quảng Tế Phật đường 廣濟佛堂 ở tỉnh Hà Tiên. Minh Sư thờ Tam giáo nên cũng tụng kinh Cứu khổ. Phải chăng kinh này vào Việt Nam từ đó?

Năm 1926 đạo Cao Đài ra đời. Kinh Cứu khổ và một số kinh khác của Minh Sư sớm được tiếp nhận chính thức trong đạo Cao Đài. Tín đồ Cao Đài hơn tám mươi năm qua kính thành tụng kinh Cứu khổ và đã chứng nghiệm nhiều sự linh ứng mầu nhiệm. Mặc dù kinh Cứu khổ là một bài trong *kinh Thế đạo* của Hội thánh Cao Đài Tây Ninh, nhưng bản đạo hầu như chỉ biết bản Hán-Việt, không rõ nguồn gốc, và thật sự cũng chưa có một bản chú giải tường tận căn cứ trên bản gốc của Minh Sư để trình bày ý nghĩa sâu xa của bài kinh như Ôn Trêh hăng dạy rằng *Độc kinh cầu lý 讀經求理*.

Thông qua chương trình *Chung tay ấn tống kinh sách Cao Đài* khởi xướng tại thánh thất Bàu Sen, tôi xin kính sẻ chia cùng quý đạo hữu chút ít hiểu biết về bài kinh Cứu khổ. Cầu xin Đức *Nhị trấn Oai nghiêm Thường cư Nam Hải Quan Âm Như lai* ban ơn lành đến toàn thể quý đạo hữu, đạo tâm.

Phú Nhuận, 24-10-2008

**HUỆ KHẢI**

# KINH CỨU KHỔ

## KINH VĂN (a)

Nam mô đại từ đại bi quang đại linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát. [Đọc ba lần]

Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát, bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn: Thử kinh đại thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bá nạn khổ. Nhược hữu nhơn tụng đấng nhưt thiên biến, nhưt thân ly khổ nạn; tụng đấng nhưt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn. Nam mô Phật lực oai, nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ. Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại thiên vương chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỷ kheo, quan sự đắc tán, tụng sự đắc hưu. Chư đại bồ tát, ngũ bá a la hán, cứu hộ *đệ tử nhưt thân*<sup>(1)</sup> ly khổ nạn. Tự ngôn Quan Thế Âm, anh lạc bắt tu giải, cần độc thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đắc giải thoát, tín thọ phụng hành. Tức thuyết chơn ngôn viết: Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, ù lê ni đế, ma ha già đế, chơn lãng càn đế, ta bà ha. [Đọc kinh ba lượt]

Nam mô Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát.

[Đọc ba lần]

<sup>(1)</sup> Nhiều bản kinh thay bốn chữ *đệ tử nhưt thân* bằng chỗ trống [...] để điền họ tên của người đang cần được Bồ tát Quan Âm cứu khổ. Thí dụ, nếu cầu giải bệnh cho Nguyễn Bê thì đọc: *cứu hộ Nguyễn Bê ly khổ bệnh*. Cầu siêu cho Trần Xê thì đọc: *cứu hộ Trần Xê đắc siêu thoát*. Cầu an cho bá tánh thì đọc: *cứu hộ chúng sanh ly khổ nạn*.

## KINH VĂN (b)

南無大慈大悲廣大靈感觀世音菩薩  
Nam mô đại từ đại bi quang đại linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát.  
南無救苦救難觀世音菩薩，百千萬億佛，  
Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát, bá thiên vạn ức Phật,  
恒河沙數佛，無量功德佛。佛告阿難言：  
hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn：  
此經大聖，能救獄囚，能救重病，能救  
Thử kinh đại thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu  
三災百難苦。若有人誦得一千遍，  
tam tai bá nạn khổ. Nhược hữu nhơn tụng đấng nhưt thiên biến,  
一身離苦難；誦得一萬遍，合家離苦難。  
nhưt thân ly khổ nạn; tụng đấng nhưt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.  
南無佛力威，南無佛力護，使人無惡心，  
Nam mô Phật lực oai, nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm,  
令人身得度。回光菩薩，回善菩薩，阿耨大  
linh nhơn thân đắc độ. Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại  
天王正殿菩薩，摩邱摩邱，清淨比邱，  
thiên vương chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỷ kheo,  
官事得散，訟事得休。諸大菩薩，五百阿羅漢，  
quan sự đắc tán, tụng sự đắc hưu. Chư đại bồ tát, ngũ bá a la hán,  
救護弟子一身離苦難。自言觀世音，  
cứu hộ đệ tử nhưt thân ly khổ nạn. Tự ngôn Quan Thế Âm,  
纓絡不須解，勤讀千萬遍，災難自然得  
anh lạc bắt tu giải, cần độc thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đắc  
解脫，信受奉行。即說真言曰：  
giải thoát, tín thọ phụng hành. Tức thuyết chơn ngôn viết：  
金婆金婆帝，求訶求訶帝，陀羅尼帝，尼訶羅帝，  
Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế,  
毘黎你帝，摩訶伽帝，真陵乾帝，莎婆訶。  
ù lê ni [nê] đế, ma ha già đế, chơn lãng càn đế, ta bà ha.  
南無高臺仙翁大菩薩摩訶薩。  
Nam mô Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát.

## CHÚ GIẢI

1. Nam mô đại từ đại bi quảng đại linh cảm Quan Thế Âm Bồ tát.

Câu này gần giống với câu trong *Bạch y Quan Thế Âm Đại sĩ linh cảm thân chú* 白衣觀世音大士靈感神咒 (gọi tắt là *Bạch y thần chú* 白衣神咒): *Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm Bạch y Quan Thế Âm Bồ tát.*

**Nam mô** 南無 (Namah): Quy y, vâng theo, cung kính noi theo.

**Đại từ** 大慈: Rất hiền, rất lành.

**Đại bi** 大悲 (mahākaruṇā): Rất thương xót.

**Quảng đại** 廣大: Rộng lượng.

**Linh cảm** 靈感: Cảm ứng. (*Linh* là ứng nghiệm. *Cảm* là xúc động đến.) Con người chỉ thành cầu khẩn Bồ tát Quan Âm thì cảm đến Ngài, và Ngài đáp ứng lại lòng thành cầu khẩn đó. Như vậy gọi là linh cảm, cảm ứng.

**Quan** (*Quán*) 觀: Xem xét, xét thấu. Lưu ý: Đừng lầm với chữ *quán* 貫 là thông suốt.<sup>(2)</sup>

**Thế Âm** 世音: Âm thanh của thế gian, tiếng kêu của người trần thế.

**Bồ tát** 菩薩: Nói đầy đủ là *Bồ đề tát đóa* 菩提薩埵 (Bodhisattva), dịch nghĩa là *Đại sĩ* 大士. Bồ tát là bậc hành giả tuy đã đắc quả Phật nhưng lập đại nguyện không nhập niết bàn vì còn vào đời cứu độ chúng sinh đang trầm luân, chưa giác ngộ. Bồ tát sẵn sàng nhận lãnh tất cả mọi đau khổ

của chúng sinh...

**Quan Thế Âm Bồ tát** 觀世音菩薩 (Avalokiteśvara): Vị bồ tát lắng nghe mọi tiếng thế gian. Cũng gọi Quan Âm Bồ tát, Quan Âm Đại sĩ.

\* Câu 1 ý nói: *Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm đại từ, đại bi, quảng đại, linh cảm.*

2. Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát, bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật.

Cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát 救苦救難 觀世音菩薩: Bồ tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn

**Bá thiên vạn ức Phật** 百千萬億佛: Trăm, ngàn, mười ngàn, trăm ngàn vị Phật. Nên hiểu là vô số Phật.

**Hằng hà sa số Phật** 恆(恒)河沙數佛: Các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng (the Ganges) ở Ấn Độ. Nên hiểu là vô số Phật.

**Vô lượng** 無量: Không thể đo lường được.

**Công đức** 功德: Công lao và ơn đức. Lưu ý: Không nên hiểu là ơn đức *chung cho mọi người* vì chữ **công** 公 là chung cho mọi người (public) viết khác chữ **công** 功 là công lao.

**Vô lượng công đức Phật** 無量功德佛: [Các] vị Phật có công đức lớn đến mức không thể đo lường được.

\* Câu 2 ý nói: *Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn, vô số Phật, các vị Phật có công đức lớn đến mức không thể đo lường được.*

3. Phật cáo A Nan ngôn: Thử kinh đại thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bá nạn

<sup>(2)</sup> Đức Khổng Tử dạy: *Ngô đạo nhất dĩ quán chi. 吾道一以貫之.* (Đạo của ta có một mà thông suốt tất cả.) *Luận ngữ*, Ch. IV, câu 15.

khổ.

**Cáo 告:** Báo, nói cho biết.

**A Nan:** Nói đầy đủ là A Nan Đà 阿難陀 (Ānanda). Cùng họ với Phật Thích Ca Mâu Ni, là em con chú. Gia nhập giáo hội sau khi giáo hội thành lập hai năm. Trở thành người hầu cận (thị giả) của Phật. Nhớ hết những lời Phật dạy. Là vị thứ hai (*Đa văn đệ nhất* – Nghe kinh nhiều nhất) trong mười đại đệ tử của Phật. Là người xây dựng giáo pháp cơ bản trong lần kết tập kinh thứ nhất, và là Nhị tổ của Thiên tông Ấn Độ. Lần kết tập thứ nhất được tổ chức tại thành Vương Xá 王舍 (Rājagṛha) ngay sau khi Phật diệt độ (khoảng năm 408 trước Công nguyên), có 500 tỷ kheo 比丘 (bhikṣu) đã chứng quả a la hán tham dự. Vị triệu tập đại hội này là Ma Ha Ca Diếp 摩訶迦葉 (Mahākāśyapa, Nhất tổ Thiên tông Ấn Độ, vị thứ nhất trong mười đại đệ tử, là *Đầu đà đệ nhất* – khổ hạnh hơn hết thầy). Ca Diếp mời Ưu Ba Li 優波離 (Upālī, vị thứ chín trong mười đại đệ tử, là *Giới luật đệ nhất* – giỏi giới luật hơn hết thầy) đọc lại giới luật; và mời A Nan đọc lại các kinh. Do đó, hầu hết kinh Phật đều mở đầu với công thức *Như thị ngã văn* 如是我聞 (Tôi nghe như vậy). Nhờ công đức của Ưu Ba Li mà Luật tạng 律藏 (Vinaya-piṭaka) thành hình. Nhờ công đức của A Nan mà Kinh tạng 經藏 (Sūtra-piṭaka) thành hình. Kinh và Luật tạng là hai trong ba tạng kinh nhà Phật. Tạng thứ ba là Luận tạng 論藏 (Abhidharma-piṭaka).

**Ngôn 言:** Rằng.

**Phật cáo A Nan ngôn** 佛告阿難言: Phật bảo A Nan rằng.

**Thử kinh đại thánh** 此經大聖: Kinh này rất linh ứng, rất màu nhiệm. (Đừng hiểu lầm *đại thánh* là vị thánh lớn.)

**Năng cứu** 能救: Có thể cứu được.

**Ngục tù** 獄囚: Cảnh tù ngục, giam cầm.

**Trọng bệnh** 重病: Bệnh nặng.

**Tam tai** 三災: Ba tai họa lớn là hỏa tai (như cháy nhà), thủy tai (như lũ lụt), phong tai (như bão tố).

**Bá nạn khổ** 百難苦: Trăm điều đau khổ, nạn tai. Nên hiểu là vô số khổ nạn. *Lưu ý:* Nói tam tai bá nạn thì không hợp lý. Lẽ ra phải nói tam tai bát nạn. Bát nạn 八難 là tám hoàn cảnh chướng ngại. Ai sinh vào tám hoàn cảnh này thì rất khó có duyên lành tu học: (1) Sinh vào cõi địa ngục; (2) Sinh làm ngựa quý hay quý đối; (3) Sinh làm súc sanh; (4) Sinh ở cõi quá sung sướng nên ham hưởng thụ, không biết lo tu hành; (5) Sinh vào cõi trời Vô tưởng thiên 無想天 (là nơi không có tư tưởng) nên không tu học được; (6) Sinh bị khuyết tật là mù, điếc, câm, ngọng; (7) Sinh làm người thế trí biện thông (nên ý mình thông minh, giỏi biện bác theo thế sự mà không lo tu học); (8) Sinh trước khi Phật ra đời và sinh sau khi Phật đã tịch diệt, do đó khó có cơ hội theo học chánh pháp. Một số bản kinh của Phật giáo (xem phần khảo về dị bản, tr. 23-26) thường viết là thiên tai bá nạn 千災百難 (ngàn tai trăm nạn) hợp lý hơn, có nghĩa là vô số tai nạn. Do đó, khi có thể được, bản kinh Cao Đài nên sửa lại là thiên tai bá nạn.

\* Câu 3 ý nói: *Phật bảo A Nan rằng kinh này rất màu nhiệm, có thể cứu người thoát khỏi cảnh ngục tù, có thể cứu người thoát khỏi trọng bệnh, có thể cứu người thoát khỏi ba tai ách (lửa cháy, nước lụt, bão tố) và vô số tai nạn, đau khổ.*

4. Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn; tụng đắc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.

**Nhược hữu nhơn tụng đắc** 若有人誦得: Nếu có người tụng

được.

**Nhứt thiên biến** 一千遍: Một ngàn lượt. *Lưu ý*: Đọc trọn bài kinh hay quyển kinh suốt từ đầu tới cuối gọi là *một biến*.

**Nhứt thân** 一身: Một tấm thân, bản thân người tụng kinh.

**Ly khổ nạn** 離苦難: Lìa xa nạn tai, đau khổ.

**Tụng đắc nhứt vạn biến** 誦得一萬遍: Tụng được mười ngàn lượt.

**Hiệp gia** 合家: Cùng tất cả những người trong nhà của người tụng kinh.

\* Câu 4 ý nói: *Nếu có người tụng kinh này được một ngàn lượt thì bản thân người ấy thoát khỏi đau khổ và tai nạn; tụng được mười ngàn lượt thì người ấy cùng với những người trong nhà đều thoát khỏi đau khổ và tai nạn.*

5. Nam mô Phật lực oai, nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ.

**Phật lực oai** 佛力威: Sự uy nghiêm của sức Phật. (Lẽ ra đọc là *uy*, nhưng giọng miền Nam quen đọc là *oai*.)

**Phật lực hộ** 佛力護: Sự giúp đỡ từ sức của Phật.

**Sử nhơn** 使人: Khiến, xui cho người ta.

**Vô ác tâm** 無惡心: Không có lòng dạ ác độc.

**Linh** (lịnh) 令: Khiến, xui. Thí dụ: *Linh nhơn khởi kính* 令人起敬 (khiến cho người ta nảy sinh lòng kính trọng); *sử linh* 使令 (sai khiến).

**Linh nhơn** 令人: Khiến cho người ta. (Cùng nghĩa với *sử nhơn*.)

**Thân đắc độ** 身得度(渡): Tấm thân của họ được đưa khỏi

bến mê sang bờ giác.

\* Câu 5 ý nói: *Xin nương theo oai lực Phật, xin nương nhờ sức cứu giúp của Phật, xin khiến cho con người không có lòng ác, xin khiến cho con người được cứu độ.*

6. Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại thiên vương, chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo, quan sự đắc tán, tụng sự đắc hựu.

**Hồi** 回: Trở về.

**Hồi quang** 回光: Trở về với sự sáng. Nói tắt của **Hồi quang phản chiếu** 回光反照: Soi xét bản thân để nhận ra lỗi lầm mà sửa chữa.

**Hồi quang bồ tát** 回光菩薩: Người tu đại thừa biết trở về với lẽ sáng, biết soi xét bản thân, từ bỏ chỗ tăm tối sai lầm.

**Hồi thiện** 回善: Trở về với điều lành.

**Hồi thiện bồ tát** 回善菩薩: Người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, bỏ điều ác.

A nậu 阿耨: Nói đầy đủ là a nậu đa la (anouttara): A là vô; *nậu đa la* là thượng. *A nậu đa la* là vô thượng, cao hơn hết.

**Thiên vương** 天王 (devarāja): Các vị tướng cõi trời bảo vệ chánh pháp và những nơi truyền bá chánh pháp.

A nậu đại thiên vương: Các vị đại thiên vương cao tột.

**Chánh điện** 正殿: Nơi có bàn thờ Phật, Trời cho đông người cúng lạy.

Chánh điện bồ tát 正殿菩薩: Người tu đại thừa biết tôn kính và giữ gìn nơi thờ tự.

Ma kheo 摩丘(邱): Có lẽ là nói tắt từ *ma ha tỳ kheo*

摩訶比丘 (đại tỳ kheo).

**Tỳ kheo (khuu)** 比丘 (bhikṣu): Nhà sư nam giữ 250 giới.

Nhà sư nữ giữ 348 giới gọi là tỳ kheo ni 比丘尼 (bhikṣuṇī).

**Thanh** 清: Trong trẻo.

**Tịnh** 淨: Sạch.

**Thanh tịnh tỳ kheo** 清淨比丘: Người tu đại thừa giữ gìn giới hạnh đầy đủ nên gọi là bậc tỳ kheo trong sạch.

**Quan sự** 官事: Việc rắc rối phải đem đến chánh quyền xử lý.

**Tụng sự** 訟事: Việc thưa kiện, kiện cáo ở tòa án.

**Đắc tán** 得散: Được tiêu tan hết.

**Đắc hưu** 得休: Được bãi bỏ. (Thoái hưu 退休: Về hưu.)

\* Câu 6 ý nói: *Người tu đại thừa biết soi xét bản thân mà từ bỏ chỗ tâm tối sai lầm, người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, người tu đại thừa giống như các bậc đại thiên vương cao tột biết bảo trọng chánh pháp và nơi tôn nghiêm thờ tự, người tu đại thừa biết giữ gìn trọn vẹn các quy giới và nhờ thế mà đức hạnh trong sạch, [tất cả các vị ấy] đều khỏi vướng mắc vào những việc kiện thưa, tranh chấp.*

7. Chư đại bồ tát, ngũ bá a la hớn, cứu hộ đệ tử nhứt thân ly khổ nạn.

**Chư** 諸: Tiếng gọi chỉ số nhiều. Như *chư tăng* là các nhà sư.

**Đại bồ tát** 大菩薩 (Mahābodhisattva): Cũng gọi là Bồ tát Ma ha tát, Đại bồ tát Ma ha tát (Mahābodhisattva Mahāsattva).

**A la hớn** 阿羅漢 (arhat): Gọi tắt là *la hán* (hớn). Bậc thánh không còn phải luân hồi sanh tử, không còn sai lầm, không

còn bị trói buộc vì những ràng buộc thế gian như ngu dốt (vô minh), phiền não, tham sân si, kiêu ngạo, chấp trước, v.v...

**Ngũ bá a la hớn** 五百阿羅漢: Năm trăm vị la hán. (Xem lại chú giải về A Nan, kỳ kết tập kinh lần thứ nhất.)

**Cứu hộ** 救護: Cứu và che chở.

**Đệ tử** 弟子: Kẻ học trò, người học đạo, tín đồ.

**Nhứt thân** 一身: Một tấm thân, bản thân người tụng kinh.

**Ly khổ nạn** 離苦難: Lìa xa nạn tai, đau khổ.

\* Câu 7 ý nói: *Cầu xin các vị đại bồ tát và năm trăm a la hớn hãy cứu giúp một thân này của đệ tử được thoát khỏi đau khổ và tai nạn.*

8. Tự ngôn Quan Thế Âm, anh lạc bát tu giải, cần độ thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đắc giải thoát, tín thọ phụng hành.

**Tự** 自: Chính mình, tự mình.

**Ngôn** 言: Nói ra.

**Tự ngôn Quan Thế Âm** 自言觀世音: Chính mình niệm hồng danh hay chơn ngôn (thần chú) Đức Quan Thế Âm Bồ tát.

**Anh lạc** 纓絡 (cũng viết là 瓔珞): **Anh** 纓 là lèo mũ, giải mũ, dây lưng bằng tơ cuộn lại. **Lạc** 絡 là các dây thần kinh và mạch máu chạy ngang thân thể, các thớ xoắn xít trong trái cây. Từ điển *Mathews' Chinese-English dictionary* (Thượng Hải 1931), mục từ 7463 giảng 纓絡 là “*fringes*”. Theo *Oxford advanced learner's dictionary*, 7th edition (CD-ROM), thì *fringe* là “*a strip of hanging threads attached to the edge of something to decorate it*”, tức là các loại dây tua trang trí để viền thảm hay khăn, màn, v.v...



Nếu chọn dị bản, viết **anh lạc** là 瓔珞, thì có nghĩa là Chuỗi ngọc quý. Trong *A dictionary of Chinese Buddhist terms*, (Đài Bắc: Phật giáo Văn hóa Phục vụ xứ, 1962), William Edward Soothill và Lewis Hodous giảng: “A necklace of precious stones; things strung together.”

Dưới đây sẽ căn cứ theo cả hai cách viết **anh lạc** (纓絡 và 瓔珞) và gộp chung hai nghĩa để giảng giải câu kinh này.

**Tu 須**: Nên. Tiếng Việt cổ đọc trại ra là *tua*. Thánh giáo Cao Đài hay gặp chữ *tua* này. Thí dụ: *Tua gắng sức* (Nên cố gắng).

**Bất tu 不須**: Không nên (cùng nghĩa với *vô tu 無須*).

**Bất tu giải 不須解**: Không nên giải thích; không nên tháo ra.

**Anh lạc bất tu giải**: Không nên gỡ tháo dây tơ cuộn xoắn xít vào nhau hay các viên ngọc đã khâu thành chuỗi (vì tháo ra sẽ làm nó hỏng); tức là không nên giải thích, phân tách.

**Cần 勤**: Siêng năng, chăm chỉ.

**Độc 讀**: Đọc, tụng.

**Thiên vạn biến 千萬遍**: Ngàn vạn (1.000 x 10.000) lần. Nên hiểu là vô số lần, tức là tụng kinh hoài.

**Tai nạn tự nhiên đắc giải thoát 災難自然得解脫**: Tự nhiên được giải thoát khỏi các tai nạn.

**Tín 信**: Tin tưởng.

**Thọ 受**: Nhận lãnh.

**Phụng 奉**: Kính vâng lời.

**Hành 行**: Thi hành, làm.

Nhiều quyển kinh Phật kết thúc bằng công thức *Tín thọ phụng hành*. Thí dụ, *Kinh Kim cang* kết thúc như sau: *Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành*. 聞佛所說, 皆大歡喜, 信受奉行. (Nghe Phật thuyết kinh rồi, tất cả đều rất vui vẻ, tin chịu và vâng lời làm theo.)

\* Câu 8 ý nói: *Tự mình niệm hồng danh hay đọc thần chú của Đức Bồ tát Quan Thế Âm, thì không nên giải thích, cứ siêng chăm tụng kinh mãi thì tự nhiên sẽ được giải thoát khỏi mọi tai nạn, hãy tin tưởng nhận lãnh và vâng lời làm theo [lời dạy này]*.

9. Tức thuyết chơn ngôn viết: Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tì lê ni đế, ma ha già đế, chơn lăng càn đế, ta bà ha.

**Tức 即**: Tức thì, ngay lập tức.

**Thuyết 說**: Nói.

**Chơn ngôn 真言**: Thần chú, cũng gọi là đà la ni 陀羅呢 (dhāraṇī). Thường dùng để kết thúc bài kinh hay quyển kinh.

**Viết 曰**: Rằng.

**Tức thuyết chơn ngôn viết 即說真言曰**: Liền đọc thần chú rằng.

**Tì 毘**: Còn đọc là *bì*.

**Ni 你**: Còn đọc là *nễ*.

Ta bà ha 娑(莎)娑婆訶 (Svāhā): Thành tựu, tốt lành, tiêu tai tăng phước, kính Phật chứng minh. *Ta bà ha* thường đặt cuối những câu thần chú (chơn ngôn). Có lẽ cũng tương tự như ở Thiên Chúa giáo, kết thúc lời cầu nguyện là chữ *Amen* (tiếng Hebrew), có nghĩa khẳng định là: Quả như vậy; Xin nguyện được đúng như vậy (*So it be; Let it be; Truly; Verily*).

Chon ngôn (thần chú, đà la ni) là mật ngữ. Khi đọc chon ngôn, âm thanh phát ra đúng cách sẽ mang đến hiệu quả màu nhiệm. Có thể xem chon ngôn là mật khẩu (password) để tiếp xúc với cõi thiêng liêng. Do đó không dịch nghĩa câu thần chú.

\* Câu 9 ý nói: *Lập tức đọc thần chú rằng: Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tì lê ni đế, ma ha già đế, chon lãng càn đế, ta bà ha.*

## DỊCH NGHĨA BÀI KINH

*Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm đại từ, đại bi, quảng đại, linh cảm.*

*Xin vâng theo Đức Bồ tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn, vô số Phật, các vị Phật có công đức lớn đến mức không thể đo lường được. Phật bảo A Nan rằng kinh này rất màu nhiệm, có thể cứu người thoát khỏi cảnh ngục tù, có thể cứu người thoát khỏi trọng bệnh, có thể cứu người thoát khỏi ba tai ách (lửa cháy, nước lụt, bão tố) và vô số tai nạn, đau khổ.<sup>(3)</sup> Nếu có người tụng kinh này được một ngàn lượt thì bản thân người ấy thoát khỏi đau khổ và tai nạn; tụng được mười ngàn lượt thì người ấy cùng với những người trong nhà đều thoát khỏi đau khổ và tai nạn. Xin nương theo oai lực Phật, xin nương nhờ sức cứu giúp của Phật, xin khiến cho con người không có lòng ác, xin khiến cho con người được cứu độ. Người tu đại thừa biết soi xét bản thân mà từ bỏ chỗ tăm tối sai lầm, người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, người tu đại thừa giống như các bậc đại thiên vương cao tột biết bảo*

<sup>(3)</sup> Nếu thay tam tai bá nạn bằng thiên tai bá nạn cho hợp lý, thì câu kinh ở đây có nghĩa “có thể cứu người thoát khỏi vô số tai ách và khổ nạn”.

*trọng chánh pháp và giữ gìn nơi tôn nghiêm thờ tự, người tu đại thừa biết giữ gìn trọn vẹn các quy giới và nhờ thế mà đức hạnh trong sạch, [tất cả các vị ấy] đều khởi vương mắc vào những việc kiện thưa, tranh chấp. Cầu xin các vị đại bồ tát và năm trăm a la hán hãy cứu giúp một thân này của đệ tử được thoát khỏi đau khổ và tai nạn. Tự mình niệm hồng danh hay thần chú Đức Bồ tát Quan Thế Âm nhưng không nên giải thích, và cứ siêng chăm tụng đọc mãi, thì tự nhiên sẽ được giải thoát khỏi mọi tai nạn, hãy tin tưởng nhận lãnh và vâng lời làm theo lời dạy này. Lập tức đọc thần chú rằng: Kim bà kim bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, tì lê ni đế, ma ha già đế, chon lãng càn đế, ta bà ha.*

*Nam mô Cao Đài Tiên ông Đại bồ tát Ma ha tát.*

## CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA BÀI KINH

Bài kinh này nên hiểu và hành theo lẽ *Thiên nhân hiệp nhất* 天人合一 (Trời hay Thiên liêng và con người hòa làm một).

Về phần *Thiên* là cầu xin *tha lực* 他力, tức là trông cậy và nương nhờ vào thần thông và đức từ bi của Bồ tát Quan Thế Âm.

Về phần *nhân* là phải dùng *tự lực* 自力, tức là chính bản thân mình phải hành động, phải sống ra sao để xứng đáng đón nhận ân phước cứu độ của Đức Bồ tát.

Nếu một người không biết làm lành lánh dữ, không biết giữ gìn quy giới, không biết tôn trọng và bảo vệ chánh pháp, sống buông lung sa đọa, vi phạm pháp luật, v.v... thì người đó ắt mắc phải tội lỗi, tự chuốc cho mình những bệnh ngặt nghèo, bị tai họa, bị thua kiện, bị giam cầm. Lúc đó có tha

thiết khẩn cầu, van xin Đức Bồ tát, thì dù đại từ, đại bi, quyền năng vô hạn, Bồ tát cũng đành ứa lệ xuôi tay nhìn con người phải trả cái quả xấu do chính con người đã tự gieo nhân xấu. Ngài cũng như các Đấng không thể can thiệp làm mất luật công bình của trời đất. Đức Quan Âm Bồ tát dạy rõ:

“*Tình thương bao la của Đấng Chí tôn và lòng từ bi bao khắp của hàng chư Phật cũng không thể giải thoát giùm cho chư hiền những nhân quả chằng chịt ấy đâu. (...) Những gì con người hành động, những gì con người khổ đau, những gì con người than trách thuộc ngoài phạm vi đạo lý thì chính con người chịu lấy, chớ Phật Trời nào bênh vực để trái luật công bình, mặc dầu vẫn thông cảm những trạng thái của con người.*”<sup>(4)</sup>

Trái lại, một người tu chân chánh, tuân thủ giới luật, giữ gìn vẹn tròn tâm hạnh đại thừa (xứng đáng được gọi là bồ tát hữu hình ở thế gian), thì luôn luôn được chư thần thánh, tiên phật âm thầm bảo vệ, giúp đỡ. Dầu người ấy có vướng mắc tai nạn, bệnh hoạn do phải trả nghiệp cũ kiếp trước, cũng sẽ được các đấng ban ơn cứu độ để tiếp tục tu hành cho tới ngày thành tựu.

Nếu một người biết làm lành lánh dữ, biết giữ gìn quy giới, biết tôn trọng và bảo vệ chánh pháp, biết sống lành mạnh và đạo đức, biết tôn trọng pháp luật, v.v... thì người đó không mắc phải tội lỗi, không tự chuốc những bệnh ngặt nghèo, cũng không bị người khác thừa kiện, giam cầm. Thế thì, dù không cầu Bồ tát Quan Âm cứu khổ cứu nạn, đương nhiên đã không bị khổ nạn rồi. Do đó trong kinh có đoạn như sau: *Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại thiên vương chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo, quan sự đắc*

<sup>(4)</sup> Thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất (12-5-1970).

*tán, tụng sự đắc hưu.* (Người tu đại thừa biết biết soi xét bản thân mà từ bỏ chỗ tằm tối sai lầm, người tu đại thừa biết trở về với điều thiện, người tu đại thừa giống như các bậc đại thiên vương cao tột biết bảo trọng chánh pháp và giữ gìn nơi tôn nghiêm thờ tự, người tu đại thừa biết giữ gìn trọn vẹn các quy giới và nhờ thế mà đức hạnh trong sạch, [tất cả các vị ấy] đều khỏi vướng mắc vào những việc kiện thưa, tranh chấp.) Nói cách khác, hãy hiểu *bồ tát* trong đoạn kinh này là chính mình, là người tu gương mẫu.<sup>(5)</sup>

Thông thường bản tính con người là mau quên, không kiên trì rèn tập tâm tánh (luyện kỹ, lập đức, lập hạnh). Vì thế con người cần phải thường xuyên và lâu dài tự nhắc nhở mình phải lập hạnh, lập đức, luyện kỹ. Tự nhắc nhở bằng cách tụng kinh để nhớ hoài lời dạy hành thiện. Do đó trong kinh lập đi lập lại những câu như: *tụng đắc nhưt thiên biến, tụng đắc nhưt vạn biến, cần độ thiên vạn biến.* Nên hiểu là tụng hoài,

<sup>(5)</sup> Thông thường tín đồ quen hiểu *bồ tát* là một đẳng thiêng liêng vô hình. Cũng nên hiểu thêm theo nghĩa đại thừa, rằng *bồ tát* là người tu mang đại nguyện độ mình và độ đời thoát khổ. Một người tu thiện (hành giả) quyết lòng tu hành rốt ráo cho thành tựu công phu tọa thiền để đem trí huệ giải khổ cho đời, chính vị đó đang làm bồ tát hữu hình tại thế gian. Trong ý nghĩa này, đàn cơ tại Cơ quan Phổ thông Giáo lý, Tuất thời, 15-7 Đinh Tỵ (29-8-1977), Đức Quan Âm Bồ tát dạy:

*Biển đời khổ nạn muôn trùng, / Đùng quên giữ một tâm trung vững vàng. / Vì đời còn lắm tai nạn, / Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu.*

Hai chữ *bồ tát* trong câu thánh giáo này chính là hành giả; *hoàn* 完 là trọn vẹn, hoàn tất (finished, completed). “*Độ đời bồ tát nguyện hoàn công phu*” nghĩa là vị hành giả phát nguyện đại thừa quyết chí tu thiện cho thành tựu, cho chứng đắc, để có thể đem huyền năng cứu độ người đời. Hiểu như vậy, hai chữ *bồ tát* ở đây không cần viết hoa.

tụng mãi, tụng suốt đời để tự nhắc nhở mình hãy luôn luôn cố gắng sống đúng theo lời Phật dạy.

Trái lại, chỉ biết tụng cho đủ con số quy định, miệng đọc kinh ra rả như cái máy vô hồn mà lòng tà vạy trước sau vẫn không chịu sửa đổi thì chắc chắn không bao giờ có Bồ tát Quan Âm nào cảm ứng cứu giúp.

## NGUỒN GỐC BÀI KINH CỨU KHỔ

Trong khóa tu Thu phân Mậu Tý (tháng 9-2008) tại Cơ quan Phổ thông Giáo lý, một hôm tôi đang đứng bên cạnh hiền hữu Huệ Khai (Đào Thiên Niên) chờ vào cúng thời Ngọ, thì hiền huynh Chí Kiên (Võ Văn Liêm) nhẹ bước tới bên cạnh, nói nhỏ vào tai, cho biết rằng hiền huynh từng có hai bản giải nghĩa kinh Cứu khổ do tiền bối Lâm Xương Quang (cũng gọi Lâm Đạo Ngươn) soạn.

Tôi nhớ ngay: Lâm tiền bối tu đến bậc Lão sư, trong gia đình là con thứ tám, cho nên còn được gọi là ông Lão Tám. Đây là dịch giả nhiều kinh sách nổi tiếng, như *Thất chơn nhơn quả* 七真因果. Những năm cuối thập niên 1920 tiền bối tu ở Phổ Đức Phật đường 普德佛堂 (chùa Minh Sư được gọi là *Phật đường*), ở làng Thanh Phú Long, tổng Thanh Mục Hạ, tỉnh Tân An.<sup>(6)</sup> Thế là tôi kết luận: Vậy kinh Cứu khổ trong Cao Đài có nguồn gốc từ đạo Minh Sư.

Năm ngoái, tôi tình cờ biết hiền hữu Huệ Khai xuất thân trong gia đình gốc Minh Sư. Riêng bản thân hiền hữu còn có được một mối tình cảm rất quý trọng mà các bậc tôn túc bên Minh Sư luôn dành cho. Do đó, tôi quay sang Huệ Khai, cậy

hiền hữu khi mãn khóa tu Thu phân, về nhà hãy hỏi các vị bên Minh Sư mượn giúp tôi bản chữ Hán kinh Cứu khổ.

Tôi chưa kịp dứt lời, hiền hữu nói gọn lỏn: “Nhà em có!”

Thì ra vài năm trước đây một vị ở Minh Sư đã tặng Huệ Khai một tấm ván khắc kinh (tức là *bản* 板). Huệ Khai đang giữ ở nhà. Tôi mừng quá, thăm tạ ơn Đức Quan Âm Bồ tát, vì mới tuần trước, khi chú giải kinh Cứu khổ, tôi phân vân không biết trong câu *Tự ngôn Quan Thế Âm anh lạc bắt tu giải* thì hai chữ *anh lạc* viết chữ Hán ra sao, nên không giảng được nghĩa, và tôi đã cầu nguyện xin Đức Bồ tát linh ứng trợ duyên cho đệ tử tìm ra bản gốc chữ Hán.

Mãn khóa tu, hiền hữu Huệ Khai về nhà, xoa mực tàu lên bản khắc gỗ, in tặng tôi bản kinh gốc. Tôi thật vô vàn cảm kích. (Huệ Khai 慧開 và Huệ Khải 慧啓 tôi cùng thọ ơn Đức Tôn sư Đông Phương Lão tổ ban thánh danh chung một đợt.)

Có được bản chữ Hán này, tôi xác định *anh lạc* viết là 纓絡. Muốn tìm kiếm thêm các cách giảng nghĩa của người xưa, bèn gõ hai chữ 纓絡 để tìm kiếm trên Internet. Chẳng những tìm ra một cách viết khác của hai chữ *anh lạc* là 瓔珞, mà lại thấy thêm khá nhiều dị bản chữ Hán của bài kinh này trong kho tàng kinh văn Phật giáo.

Từ những kết quả ấy, tôi trộm nghĩ rằng bài kinh Cứu khổ hiện hành trong đạo Cao Đài vốn mượn từ kinh tụng của đạo Minh Sư. Nhưng bài kinh này cũng rất phổ biến trong kinh văn Hán tạng của đạo Phật, với không ít dị bản.

## MÔ TẢ BẢN KINH CỨU KHỔ CỦA MINH SƯ (tr. 24)

Bản in khắc ván mà hiền hữu Huệ Khai tặng tôi gồm hai trang. Cả hai ghép lại chỉ nhỉnh hơn khổ A4 thông dụng.

<sup>(6)</sup> Nay gọi là xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Trang phải vẽ hình Bồ tát Quan Âm ngồi tòa sen bên rừng trúc. Cạnh đó, góc trái tranh, vẽ chim anh vũ (chim két?) ngậm chuỗi ngọc (một số sách gọi là chuỗi anh lạc).

Hàng trên tranh vẽ là sáu chữ Hán nằm ngang (đọc từ phải sang trái): *Cao vương Quan Âm Bồ tát* 高王觀音菩薩.

Trang bên trái gồm một dòng nhan đề và mười dòng kinh văn viết xuôi xuống, đọc từ phải sang trái. Trừ dòng nhan đề, dòng 1, dòng 7, và dòng 10, tám dòng còn lại mỗi dòng có 21 chữ Hán. Dòng 7 chỉ có 20 chữ, vì khi khắc chữ thứ 18 thì bỏ trống một ô thứ 19, khắc hai chữ *Quán Thế* lùi xuống (thay cho phép viết *đài* 抬).

Dòng 1 là nhan đề: *Nam mô đại từ đại bi Quán Thế Âm cứu khổ chân kinh* 南無大慈大悲觀世音救苦真經. (Khi dùng trong đạo Cao Đài, nhan đề này không còn, và thay bằng câu chú *Nam mô đại từ đại bi quảng đại linh cảm Quán Thế Âm Bồ tát*. Câu chú 15 chữ này cũng không thấy dùng làm nhan đề trong một số dị bản kinh Cứu khổ của Phật giáo, như tìm thấy trên Internet.)

Dòng 1 và dòng 2 đều viết trời đầu cao hơn các dòng còn lại một chữ. Đây là phép *đài* trong Hán văn, để tỏ ý tôn kính. Nếu tỏ ý tôn kính nhiều hơn (như khắc hồng danh Thượng đế) thì phải dài cao hơn hai chữ. (Ngày xưa học trò đi thi, viết bài văn chữ Hán không đúng phép *đài* là phạm trường quy. Không đáng dài mà lại dài, hay ngược lại quên dài chỗ phải dài, hoặc dài không hợp cách thì bị đánh hỏng.)

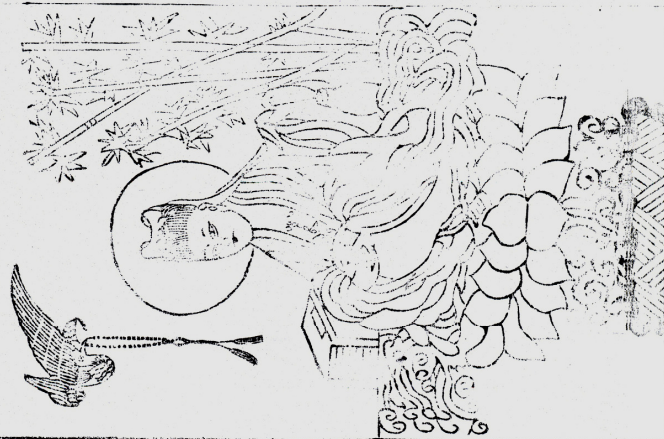
Từ dòng 2 trở đi thì giống như bản kinh hiện hành trong đạo Cao Đài. Toàn bài kinh không có một dấu chấm câu nào. Cũng không có các dấu khuyên ○ bên cạnh những chữ phải gõ chuông báo hiệu cho tín đồ cúi đầu hay cúi lạy khi tụng kinh đến chữ đó.

## DỊ BẢN KINH CỨU KHỔ

A. Trong số các bản kinh có khá nhiều chỗ khác xa với bản của Minh Sư hay Cao Đài. Sau đây là một bản tiêu biểu, tìm thấy tại: [http://www.geocities.com/directx\\_user/sutra/av\\_sutra.htm](http://www.geocities.com/directx_user/sutra/av_sutra.htm).

Các chữ không giống thì được *in xiên*. Chỗ nào “thiếu” chữ thì ghi dấu [\*]. Chỗ các chữ không đúng thứ tự với bản của Minh Sư hay Cao Đài thì ghi dấu [+].

高  
王  
觀  
音  
菩  
薩



南無大慈大悲觀世音救苦真經

南無救苦救難觀世音菩薩百千萬億佛恒河沙數佛無  
量功德佛佛告阿難言此經大聖能救獄囚能救重病  
能救三災百難苦若人誦得一千遍一身離苦難誦得  
一萬遍合家離苦難南無佛力威南無佛力護使人無  
惡心令人身得度四光菩薩四善菩薩阿耨大天王正  
殿菩薩摩訶摩訶清淨比丘官事得散訟事得休諸大  
菩薩五百阿羅漢救護弟子一身離苦難自言 觀世  
音經絡不須解勤讀千萬遍災難自然得解脫信受奉  
行即說真言曰金婆金婆帝求訶求訶帝陀羅尼帝尼  
訶囉帝毘黎你帝摩訶加帝真陳乾帝莎婆訶

BẢN KINH CỨU KHỔ CỦA MINH SƯ (khắc gỗ)

Hai trang A5, HUỆ KHAI Đào Thiên Niên tặng, 2008

南無救苦難觀世音菩薩，百千萬億佛，  
Nam mô cứu khổ [\*] nạn Quan Thế Âm Bồ tát, bá thiên vạn ức Phật,  
恒河沙數佛，無量功德佛，  
hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật,  
南無釋迦牟尼佛，佛告阿難言，  
nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật cáo A Nan ngôn,  
此經大乘，能救獄囚，能救重病，能救  
thử kinh đại thừa, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu  
百難苦，若誦此經者，得離一切苦，  
[\*] bá nạn khổ, nhược tụng thử kinh giả, đắc ly nhất thiết khổ,  
若誦一千遍，一身離苦難，  
nhược tụng như thiên biến, như thân ly khổ nạn,  
若誦一萬遍，合家離苦難，南無佛力威，  
nhược tụng như vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn, nam mô Phật lực oai,  
南無佛力護，使人無惡心，令人身得度，  
nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm, linh nhơn thân đắc độ,  
迴光菩薩，迴善菩薩，阿育大天王，  
hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, A Dục đại thiên vương,  
正大菩薩，五百大阿羅漢，救護弟子，  
chánh điện bồ tát, [+] ngũ bá đại a la hán, cứu hộ đệ tử,  
身得離諸苦難，摩休摩休，清淨比丘，  
thân đắc ly chư khổ nạn, ma hưu ma hưu, thanh tịnh tỷ kheo,  
官事得散，私事得休，瓔珞不須解，  
quan sự đắc tán, tư sự đắc hưu, [\*] anh lạc bất tu giải,  
勤念此經者，自然得解脫。  
cần niệm thử kinh giả, [\*] tự nhiên đắc giải thoát.  
南無救苦救難觀世音菩薩，  
Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát,  
歡喜信受奉行。真言曰：「娑婆離婆帝，  
hoan hỷ tín thọ phụng hành. [\*] Chon ngôn viết: “Ta bà ly bà đế,  
救阿救阿帝，陀羅尼帝，尼阿囉帝，揭帝羅尼帝，  
câu ha câu ha đế, đà la ni đế, ni ha la đế, yết đế la ni đế,  
菩薩娑婆訶。」  
bồ tát ta bà ha.”

Ghi chú: Trong bản trên, hai chữ *tụng sự* 訟事 khác làm thành *tư sự* 私事, vì *tụng* 訟 và *tư* 私 gần giống nhau.

B. Sau đây là bản kinh Cứu khổ chỉ có dăm ba chỗ khác so với bản Minh Sư hay Cao Đài, tìm được từ hai địa chỉ sau:

CBETA: *Chinese Buddhist Electronic Text Association* 中華電子佛典協會 / Trung Hoa Điện tử Phật điển Hiệp hội), <http://www.cbeta.org>.

EBS: *Electronic Buddhadharma Society* 美國佛教會電腦資訊庫功德會 (資功會) / Mỹ quốc Phật giáo hội Điện não Tư tấn khổ Công đức hội (Tư công hội), <http://www.baus-eps.org>.

Mười một chỗ khác nhau được đánh số từ <sup>[1]</sup> đến <sup>[11]</sup>.

### 觀世音菩薩救苦經 Quan Thế Âm Bồ tát cứu khổ kinh

南無救苦觀世音菩薩，百千萬億佛，  
Nam mô cứu khổ <sup>[1]</sup> Quan Thế Âm Bồ tát, bá thiên vạn ức Phật,  
恒河沙數佛，無量功德佛。佛告阿難言：  
hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn:  
此經大聖，能救獄囚，能救重病，能救  
Thử kinh đại thánh, năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu  
千災百難苦。若有人誦得一千遍，  
千災百難苦。若有人誦得一千遍，  
*thiên* <sup>[2]</sup> tai bá nạn khổ. Nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến，  
一身離苦難；誦得一萬遍，合家離苦難。  
nhứt thân ly khổ nạn; tụng đắc nhứt vạn biến, hiệp gia ly khổ nạn.  
南無佛力威，南無佛力護，使人無惡心，  
Nam mô Phật lực oai, nam mô Phật lực hộ, sử nhơn vô ác tâm,  
令人身得度。回光菩薩，回善菩薩，阿耨大  
linh nhơn thân đắc độ. Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại  
天王，正殿菩薩，摩邱摩邱，清淨比  
thiên vương, <sup>[3]</sup> chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỷ

邱，官事得散，私事得休。諸大菩薩，五百羅  
 kheo, quan sự đắc tán, *tu*<sup>[4]</sup> sự đắc hưu. Chư đại bồ tát, ngũ bá *la*  
 漢，救護弟子身，悉皆離苦難，自然觀世  
*hán*,<sup>[5]</sup> cứu hộ đệ tử *thân, tất giai*<sup>[6]</sup> ly khổ nạn, tự *nhiên*<sup>[7]</sup> Quan Thế  
 音，纓絡不須解，勤誦千萬遍，災難自然得  
 Âm, anh lạc bất tu giải, cần *tụng*<sup>[8]</sup> thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đắc  
 解脫，信受奉行。即說真言曰：  
 giải thoát, tín thọ phụng hành. Tức thuyết chơn ngôn viết:  
 今菩今菩提 陀羅尼帝尼 佉羅帝 菩提薩婆訶。  
*Kim bồ kim đề*<sup>[9]</sup> ðà la ni ðề ni *khư*<sup>[10]</sup> la ðề *bồ ðề* tát bà ha<sup>[11]</sup>.

So sánh hai bản

| Bản trên Internet                            | Bản Minh Sư / Cao Đài   |
|--|---|
| 1. Nam mô cứu khổ                            | Nam mô cứu khổ <i>cứu nạn</i>   |
| 2. <i>thiên</i> tai bá nạn khổ               | <i>tam</i> tai bá nạn khổ   |
| 3. <i>a nậu đại thiên vương,</i>             | Không ngắt câu sau chữ <i>wương</i>   |
| 4. <i>tư</i> sự                              | <i>tụng</i> sự  |
| 5. ngũ bá la hán                             | ngũ bá <i>a</i> la hán  |
| 6. đệ tử <i>thân, tất giai</i> ly khổ nạn    | đệ tử <i>nhứt thân</i> ly khổ nạn   |
| 7. nạn, tự <i>nhiên</i> Quan Thế Âm          | nạn. Tự <i>ngôn</i> Quan Thế Âm   |
| 8. cần <i>tụng</i> thiên vạn biến            | cần <i>độc</i> thiên vạn biến   |
| 9. <i>kim</i> 今 <i>bồ kim</i> 今 <i>bồ ðề</i> | <i>kim</i> 金 <i>bà kim</i> 金 <i>bà ðề</i> , <i>cầu ha</i><br><i>cầu ha ðề</i> , ðà la ni ðề |
| 10. ni <i>khư</i> la ðề                      | ni <i>ha</i> la ðề, <i>tì lê ni ðề</i> , <i>ma ha</i><br><i>già ðề</i> , chơn lăng cần ðề,  |
| 11. <i>bồ ðề</i> tát bà ha.                  | <i>ta</i> bà ha.  |

HUỆ KHẢI

*Phú Nhuận, 20-10-2008*

## Kinh Cứu khổ chữ quốc ngữ trong đạo Cao Đài

Ngoài bài kinh Cứu khổ đọc theo âm Hán-Việt, qua cơ bút tín đồ Cao Đài còn có một bài kinh cứu khổ thứ hai, chữ quốc ngữ, dài ba mươi lăm câu (gồm bốn câu song thất lục bát và ba mươi một câu lục bát, tức là in sót một câu). Bài kinh này do Đức Văn Thù Bồ tát 文殊菩薩 ban cho, không rõ vào lúc nào, ở đâu, nhưng đã được tiên bói Cao Triều Phát (1889-1956), Bảo đạo chương quản Hiệp thiên đài Tòa thánh Hậu Giang sưu tầm, in trong cuốn *Lễ Bồn: Dương sự, thể thức, tang tế, cầu siêu* (Bạc Liêu: nhà in Nguyễn Lộc Tiêng, tháng 9-1939, tr. 11-12). Quyển Lễ bồn này trước đó đã được Đức Đông Phương Lão tổ 東方老祖 giảng cơ phê duyệt tại Thông thiên đài, thời Dậu, ngày 13-10 Đinh Sửu (thứ Sáu, 05-11-1937).

Năm 2008 hiền tỷ Cao Bạch Liên, ái nữ Cao Triều tiên bói, có lòng tín nhiệm chương trình *Chung tay ấn tống kinh sách Cao Đài* do thánh thất Bàu Sen đề xướng, và cậy chúng tôi giúp hiền tỷ trông nom tất cả công việc tái bản quyển di thư của tiên phụ ðề ấn tống. Chúng tôi hoan hỷ đón nhận mỹ ý của hiền tỷ. (Sách in xong tháng 12-2008, nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội).

Trong lúc chăm chút việc san nhuận quyển di thư quý báu này, bảo ðệ Lê Anh Minh và tôi đã thấy *Bài kinh cứu khổ* được tiên bói Cao Triều xếp vào bài thứ sáu trong mười lăm bài kinh Dương sự (tức là kinh dành cứu ðộ cho người còn đang sống trên đời). Chúng tôi đã hiệu đính lỗi chánh tả, chú thích từ ngữ.

Nhân tìm hiểu về kinh Cứu khổ trong đạo Cao Đài, tôi xin trích lục in lại đây, ðể hiến quý ðạo hữu, ðạo tâm.



## Bài kinh cứu khổ

- Vì Tạo hóa từ bi cứu khổ  
Khiến Long thần<sup>(1)</sup> bảo hộ an khương<sup>(2)</sup>  
Phổ Đà<sup>(3)</sup> Phật tổ Tây phương  
4. Quan Âm Bồ tát bốn phương vãng tuần<sup>(4)</sup>  
Tuy cao thăm thẳm chín tầng  
Ai người thiện nguyện sự mừng liền ban  
Người ngay rủi gặp tai nàn  
8. Niệm liên bảy chữ<sup>(5)</sup> khỏi đàng họa ương<sup>(6)</sup>  
Trong khi xảy việc bất tường<sup>(7)</sup>  
Vương mang bệnh hoạn giữa đường có khi  
Oai linh ứng hộ tức thì  
12. Tai qua nạn khỏi bịnh gì cũng an  
Kính thành vọng tưởng Tây phang  
Quan Âm Bồ tát hào quang chiếu liền  
Trong khi giông gió xiêu thuyền  
16. Phiêu lưu la sát<sup>(8)</sup> vào miền quỷ thương<sup>(9)</sup>

- 
- <sup>(1)</sup> Long thần 龍神: Vị thần mang hình rồng (*nāga*), thường là các vị hộ pháp, trợ giúp người tu, bảo vệ nơi tu hành.  
<sup>(2)</sup> An khương (*khang*) 安康: Bình an và khỏe mạnh.  
<sup>(3)</sup> Phổ Đà (sơn) 普陀山: Núi này là nơi ngụ của Bồ tát Quán Thế Âm.  
<sup>(4)</sup> Vãng tuần 往巡(循): Đi xem xét các nơi.  
<sup>(5)</sup> Bảy chữ: Nam mô Quan Thế Âm Bồ tát.  
<sup>(6)</sup> Họa ương 禍殃: Tai họa.  
<sup>(7)</sup> Bất tường 不祥: Chẳng lành, xấu, rủi.  
<sup>(8)</sup> La sát 羅刹: Loài hung thần ác quỷ có hình dạng và mặt mày rất dữ tợn, thích ăn thịt người. Chúng thường ở biển

- Gặp loài tà mi<sup>(10)</sup> nhiều nhưong<sup>(11)</sup>  
Nghe oai Bồ tát tầm đường lánh xa  
Người thù cầm kích xông pha  
20. Nguyện cầu Bồ tát cải tà làm nhơn<sup>(12)</sup>  
Gặp hồi lạc tới lâm sơn<sup>(13)</sup>  
Hổ lang<sup>(14)</sup> ác thú chồn vờn giáo thân<sup>(15)</sup>  
Hộ danh Bồ tát ân cần  
24. Hổ lang ác thú lần lần lánh xa  
Bốn phương chư Phật hằng hà  
Thọ truyền Ngọc đế ta bà<sup>(16)</sup> độ dân  
Năm trăm la hán<sup>(17)</sup> ân cần  
28. Hộ<sup>(18)</sup> người lương thiện hưởng phần bình an

---

cả. Giống đực gọi là la sát bà (*rākchāsas*), giống cái gọi là la sát tư hay la sát nữ (*rākchasis*).

- <sup>(9)</sup> Quỷ thương 鬼滄: Biển của loài quỷ.  
<sup>(10)</sup> Tà mi 邪媚: Kẻ gian nịnh, cũng hiểu là tà ma 邪魔.  
<sup>(11)</sup> Nhiều nhưong 擾攘: Quấy rối, phá phách.  
<sup>(12)</sup> Cải tà làm nhơn: Bỏ lòng bất chánh để làm người hiền.  
<sup>(13)</sup> Lâm sơn 林山: Rừng núi.  
<sup>(14)</sup> Hổ 虎: Cọp. Lang 狼: Chó sói.  
<sup>(15)</sup> Giáo 咬: Cắn. Giáo thân 咬身: Cắn xé thân thể.  
<sup>(16)</sup> Ta bà (*sa bà*) 娑婆: Cõi thế gian, nói đầy đủ là Ta bà thế giới 娑婆世界.  
<sup>(17)</sup> Ngũ bá a la hán 五百阿羅漢: Ngày xưa Phật Thích Ca thuyết pháp, ở bên cạnh Phật luôn có năm trăm vị la hán (*arhat*). La hán hay a la hán là các vị tu đắc quả nên không còn sai lầm, được giải thoát.  
<sup>(18)</sup> Hộ 護: Giúp đỡ, che chở.

Cúi xin Phật tổ Tây phang  
 Từ bi cứu khổ độ an dân Trời  
 Người người lạc nghiệp<sup>(19)</sup> thành thoi  
 32. Gia vô bế hộ tứ thời hòa thnh<sup>(20)</sup>  
 Cầu cho quốc vận khương ninh<sup>(21)</sup>  
 Mưa hòa gió thuận<sup>(22)</sup> thái bình muôn năm  
 .....<sup>(23)</sup>  
 36. Chơn ngôn thập bát<sup>(24)</sup> khỏi lầm họa tai.  
*Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn*  
*Quan Thế Âm Bồ tát Ma ha tát*  
 Văn Thù Bồ tát

- (19) Lạc nghiệp 樂業: Nói đủ là an cư lạc nghiệp 安居樂業 (thời thái bình, ai cũng có chỗ ở an lành và vui sống với nghề nghiệp).
- (20) Gia vô bế hộ 家無閉戶: Nhà không đóng cửa (vì không sợ trộm cướp). Nguyên câu là *Gia vô bế hộ, lộ bất thập di* 家無閉戶 路不拾遺 (Nhà không đóng cửa; không ai nhặt của rơi trên đường), mô tả đời thanh bình. Hòa thnh (hòa thanh) 和清: Yên ổn, thanh bình.
- (21) Quốc vận 國運: Vận mệnh đất nước. Khương (khang) 康: Mạnh khỏe. Ninh 寧: An ninh, yên ổn.
- (22) Mưa hòa gió thuận: *Phong điều vũ (vũ) thuận* 風調雨順.
- (23) Bản 1939 in sót một câu lục (sáu chữ).
- (24) Chơn (chân) ngôn 真言: Thần chú 神咒. Chơn ngôn thập bát 真言十八: Mười tám chữ của câu thần chú *Nam mô đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ tát Ma ha tát* 南無大慈大悲救苦救難觀世音菩薩摩訶薩.

Huệ Khải và Lê Anh Minh hiệp chú

## SO SÁNH KINH CỨU KHỔ CAO ĐÀI VỚI KINH PHÁP HOA

Nhiều câu trong bài kinh do Đức Văn Thù Bồ tát ban cho trong Tam kỳ Phổ độ (như dẫn trên đây) cũng tương hợp với lời Đức Phật Thích Ca dạy trong Nhị kỳ Phổ độ và được chép lại trong kinh *Diệu pháp liên hoa* 妙法蓮華 (gọi tắt kinh *Pháp hoa* 法華), quyển thứ Bảy, phẩm *Quán Thế Âm Bồ tát Phổ môn* (thường gọi tắt là kinh hay phẩm *Phổ môn* 普門).

Theo kinh Pháp hoa, bây giờ có Bồ tát Vô Tận Ý cung kính đến trước Phật hỏi rằng: “Thưa Đức Thế tôn, Ngài Quán Thế Âm Bồ tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?”

Kinh Pháp hoa (KPH) chép lại lời Phật đáp như sau (lược trích):

KPH: *Thiện nam tử! Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh đang chịu các khổ não, nhưng biết một lòng niệm danh Quán Thế Âm Bồ tát, tức thì Bồ tát xem xét tiếng niệm của họ, tất cả họ đều được giải thoát.*

*Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, dẫu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì nhờ oai lực thần thông của Bồ tát mà được như vậy. Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ tát thì liền được vào chỗ cạn.*

Kinh Cao Đài câu 7-8 (KCD 7-8) có hai câu tương thích:

*Người ngay rui gặp tai nạn  
 Niệm liền bảy chữ khỏi đàng họa ương*

KPH: *Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, lạc vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền kia trôi tấp vào nước của quỷ la sát, trong số người ấy nếu có một ai xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì tất cả những*

người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ la sát.

KCD 15-18:

*Trong khi giông gió xiêu thuyền  
Phiêu lưu la sát vào miền **quỷ thương**  
Gặp loài tà mị nhiều nhưong  
Nghe oai Bồ tát tầm đường lánh xa*

(Căn cứ theo lời Phật dạy trong kinh Pháp hoa, chúng tôi giải thích *quỷ thương* 鬼滄 là biển của loài quỷ.)

KPH: *Nếu có người sắp sửa bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì dao gậy của đối phương liền gãy từng khúc, người sắp sửa bị hại liền được thoát nạn.*

KCD 19-20:

*Người thù cảm kích xông pha  
Nguyện cầu Bồ tát cải tà làm nhơn*

KPH: *Nếu quỷ dạ xoa cùng la sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm Bồ tát, thì các quỷ dữ đó thậm chí không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, hà huống còn làm hại người được.*

KCD 17-18:

*Gặp loài tà mị nhiều nhưong  
Nghe oai Bồ tát tầm đường lánh xa*

\*

Kinh Pháp hoa, phẩm Phổ môn chép rất chi tiết lời Đức Phật giảng dạy Bồ tát Vô Tận Ý. Cơ hồ như bao nhiêu ngôn từ tỉ mỉ và dông dài cũng không thể diễn bày hết tất cả oai lực thần thông quảng đại của Đức Quan Thế Âm. Càng giảng giải thì càng thấy như thiếu sót.

Điều này khiến ta phải suy nghĩ cho thật sâu xa vì sao vị

Bồ tát đến cung thỉnh Phật thuyết pháp về Đức Bồ tát Quan Âm lại có danh hiệu là Vô Tận Ý 無盡意.

*Vô Tận Ý* nghĩa là dầu có cố gắng nói hoài, ráng sức nói mãi thì rốt cuộc vẫn cứ *không trọn hết ý* (indescribable)!

Kinh Pháp hoa “mượn” danh hiệu ngài Vô Tận Ý để khai duyên thỉnh pháp về Đức Quan Âm có lẽ nhằm mục đích kín đáo nói rằng chúng sanh không thể lãnh hội được trọn vẹn những huyền nhiệm sâu xa, vi diệu của đấng Bồ tát chuyên tâm thỉnh cứu khổ.

Điều này nhắc ta nhớ vì sao bản chữ Hán kinh Cứu khổ có câu *Tự ngôn Quán Thế Âm anh lạc bất tu giải*. Nghĩa là chúng sanh không nên phân tích, không nên giải thích, vì càng giảng giải lại càng bị giới hạn, bế tắc. Nói khác đi, làm sao diễn tả cho xiết cái lý lẽ vốn dĩ là *vô tận ý*!

*Vô Tận Ý Bồ tát* phải chăng là một ẩn dụ (metaphor)? Cũng như *Hồi quang bồ tát, hồi thiện bồ tát, a nậu đại thiên vương chánh điện bồ tát, ma kheo ma kheo, thanh tịnh tỳ kheo*, rốt lại đều cũng là các ẩn dụ.

Đọc kinh hiểu lý, thì sẽ đi tới chỗ thay vì cầu ở tha lực, biết cầu ở tự lực để tự thắng phàm tánh của mình, tự biến mình thành bồ tát. Đó gọi là thánh hóa bản thân.

Cuối cùng, lưu ý rằng trước khi trả lời câu Bồ tát Vô Tận Ý hỏi về Đức Quan Âm, Đức Phật đã tán thán, khen ngợi Bồ tát là *thiện nam tử*. Vậy thì, các vị đạo tâm biết dành thời gian tìm hiểu, học hỏi nghĩa lý sâu kín của kinh Cứu khổ, quý vị cũng là *thiện nam tử* 善男子, là *thiện nữ nhân* 善女人. Tức là các trai lành, gái lành, không phân biệt đang tại gia hay xuất gia, tất cả đều là bồ tát nếu có lòng tin Trời tướng Phật và thành tâm tìm tu theo chánh pháp.

*Phú Nhuận, 24-10-2008*

## ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

### Chương Trình CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH CAO ĐÀI

#### ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-2. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2008, in hai lần.
- 2-2. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN** – Huệ Khải, 2008, 2009.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG** – Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải *chủ thích*, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-2. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2008, 2010.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỶ – TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2008, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN** – Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-1. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN** – Bùi Văn Tâm, 2008.
- 9-2. **LỄ BỐN** – Cao Triều Phát *soạn*; Huệ Khải, Lê Anh Minh *san nhuận* 2008, 2009.
- 10-2. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ** – Phạm Văn Liêm, 2009.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH** – Huệ Khải *chủ biên*, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2009, 2010.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965)** – Huệ Khải, Lê Anh Minh *hiệp chú*, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG** – Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI** – Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO** – Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ** – Lê Anh Minh, 2009.
- 18-1. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI** – Phạm Văn Liêm, 2009.
- 19-1. **XUÂN TRI ẨM** – Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG** – Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-1. **BẢ MÓN BẦU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI** – Thanh Căn, 2010.
- 22-1. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2010.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG** – Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-2. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI** – Diệu Nguyên, 2010, in hai lần.
- 25-2. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN** – Diệu Nguyên, 2010, 2011.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO** – Đơn Tâm, 2010.
- 27-1. **HÀNH TRANG TIÊN BỒI CAO TRIỀU PHÁT** – Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010.
- 28-1. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH** – Huệ Khải, 2010.
- 29-1. **DANH THẤY DANH ĐẠO** – Đơn Tâm, 2010.
- 30-1. **MỘT ĐỒNG BÁT NHẢ** – Huệ Khải, 2010.
- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU** – Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIỆN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP** – Đại Cơ Huần, 2010.

- 33-1. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO** – Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010.
- 34-2. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** – Lê Anh Minh *dịch và chú thích*, 2010, in hai lần.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM** – Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO** – Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI** – Đơn Tâm, 2011.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA** – Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, *tranh 4 màu*, 2011.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN** – Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ** – Đơn Tâm, 2011.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ** – Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI** – Huệ Khải, 2011.
- 43-1. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH** – Huệ Khải, 2011.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ** – Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** – Huệ Khải
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN** – Phạm Văn Liêm (*thơ*), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI** – Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC** – Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI** – Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG** – Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.

Ghi chú: 50.1 tức là ấn phẩm thứ 50 và in lần thứ nhất.

15.3 tức là ấn phẩm thứ 15 và in lần thứ ba.

### PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỐNG

Đợt Năm Mười Sáu BS: Mở thùng tiết kiệm tại TT Bàu Sen ngày 02-12-2011

|    |  |         |
|----|--|---------|
| 01 | ĐH NGUYỄN VIỆT ANH + ĐH TRẦN THÀNH MINH (HT Tiên Thiên): Mỹ Tho<br>☎0979709xxx. Hối hướng về ĐH Nguyễn Văn Việt + ĐT Trần Thị Phi Vân. | 200.000 |
| 02 | ĐH LÊ NGỌC TUẤN: Đường số 11, KP4, Linh Xuân, Thủ Đức  | 50.000  |
| 03 | ĐT LÊ THỊ THU: H Đám Dơi, Cà Mau. Hối hướng cầu huyền thất tổ.   | 50.000  |
| 04 | ĐH HUỖNH VINH TUẤN: Lý Thường Kiệt, K9, P6, Cà Mau ☎0918647xxx   | 100.000 |
| 05 | ĐH GIUSE NGUYỄN VĂN XUÂN: Phạm Thế Hiển, P7, Q8. ☎0932002xxx. Hối hướng cầu huyền thất tổ.   | 100.000 |
| 06 | ĐT BÙI THỊ KHÁNH (TT Trung Chiêu): BR-Vũng Tàu. Hối hướng cầu huyền thất tổ.   | 150.000 |
| 07 | ĐH/ĐT VƯƠNG CHÂU NGÂN, VƯƠNG MINH PHÚC (TTi Ngọc Chiêu Đán): Châu Văn Tiếp, Lái Thiêu. Cầu nguyện gia đình bình an.                    | 200.000 |
| 08 | ĐT ĐOÀN THỊ HUỖNH MAI (TTi Bồng Lai): Hối hướng thân phụ (ĐH Huỳnh Văn Tri), và thân mẫu (ĐT Lưu Thị Phắc).                            | 200.000 |
| 09 | ĐH HỒ NHỰT TRÍ (TTi Ngọc Chiêu, Lái Thiêu). Hối hướng về cha (ĐH Hồ Bá Nghi)   | 200.000 |

|                                 |  |           |
|---------------------------------|--|-----------|
| 10                              | Lễ Sanh THÁI BẢNH THANH Nguyễn Văn Bảnh (TT Đô Thành). ☎ 0906015xxx  | 200.000   |
| 11                              | Gia đình NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG (TT Tân Thành): CM Tháng 8, P Quang Vinh, Biên Hòa. Hồi hướng cầu huyền thất tổ. | 500.000   |
| 12                              | Thùng tiền tiết kiệm ủng hộ ăn tổng của TT Bàu Sen mở ngày 02-12-2011  | 730.000   |
| 13                              | Thùng tiền tiết kiệm TTI BÔNG LAI, NGỌC CHIẾU, NHƯ Ý: Lái Thiêu, B Dương                                     | 1.000.000 |
| <b>Tổng cộng: 3.500.000 VNĐ</b> |  |           |

**Đợt Năm Mười Bảy HK: Từ ngày 01-12-2011 đến ngày 15-12-2011**

|  |  |            |
|--|--|------------|
| 01   | ĐH NGUYỄN VĂN TIẾN: Nguyễn Thượng Hiền, P5, Phú Nhuận ☎0907003xxxx.  | 100.000    |
| 02   | ĐH NGUYỄN VĂN NGHĨA: đường 30-4, P An Phú, Ninh Kiều, Cần Thơ ☎0914125xxx.   | 100.000    |
| 03   | ĐT ĐIỀU CHẤU: Phạm Ngũ Lão, Q1   | 100.000    |
| 04   | ĐT KIẾU BÍCH NGỌC: Phạm Ngũ Lão, Q1  | 100.000    |
| 05   | ĐH PHẠM QUANG LINH: Phạm Ngũ Lão, Q1   | 100.000    |
| 06   | ĐH PHẠM THỊ TỐ QUYẾN: Phạm Ngũ Lão, Q1   | 100.000    |
| 07   | ĐH PHẠM THỊ THIÊN HƯƠNG: Phạm Ngũ Lão, Q1  | 100.000    |
| 08   | Lễ Sanh NGUYỄN THỊ THANH (TT Trung Hiệp): Hiệp Khánh, Cam Lâm, Khánh Hòa.  | 100.000    |
| 09   | CTS NGUYỄN THỊ NHIỄU (TT Trung Hiệp): Hiệp Khánh, Cam Lâm, Khánh Hòa.  | 100.000    |
| 10   | ĐH LÂM KHANH THUẬN + ĐH LÂM NGỌC THẮNG.  | 200.000    |
| 11   | ĐT ẮN DANH (Bình Đại). ☎0907606xxx (ĐH Thuận Quang Tỉnh chuyển giúp).  | 200.000    |
| 12   | ĐH VŨ TRỌNG ĐIỂM (TT Trung Chính, HT Truyền Giáo): Cam Ranh, Khánh Hòa.  | 200.000    |
| 13   | ĐH ĐẶNG THANH TRUYỀN (TT Trung Hiệp): Cam Lâm, Khánh Hòa ☎01228505xxx  | 200.000    |
| 14   | ĐH VÕ VĂN TÂM + ĐT VÕ THỊ NGỌC TRANG.  | 500.000    |
| 15   | ĐT HUỖNH THỊ BẢO HIẾU (TT Trung Châu. HT Truyền Giáo): Nha Trang   | 500.000    |
| 16   | ĐH PHẠM ĐÌNH LÝ (Đàn Minh Tâm): Nguyễn Văn Đậu, P6, Bình Thạnh.  | 5.000.000  |
| 17   | ĐH HUỖNH HUY HOÀNG (TT Bàu Sen): Lý Nam Đế, P7, Q11. ☎0913119xxx.<br>Hồi hướng cầu huyền thất tổ.  | 5.000.000  |
| 18   | ĐT HUỖNH THỊ MƯỢT: ấp An Thuận, An Bình Tây, Ba Tri, Bến Tre. Hồi hướng<br>giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Khuê) và chị Hai (ĐT Huỳnh Thị Hai).                      | 10.000.000 |
| 19   | ĐT HUỆ MAI HƯƠNG (Long Văn Đàn, Mỹ Tho, Tiền Giang). Ước nguyện ăn<br>tổng <i>Đại Thừa Chơn Giáo</i> (khi tái bản).  | 15.000.000 |
| 20   | ĐT BẠCH MINH HOA Nguyễn Thị Đạm (Tổ Đình Chiếu Minh Cần Thơ): Xô Viết<br>Nghệ Tĩnh, P17, Bình Thạnh. Ăn tổng 5.000 quyển <i>Kinh Cúng Tứ Thời (Chiếu Minh)</i> . | 27.000.000 |
| 21   | ĐT TRẦN THỊ NGỌC YẾN (Long Văn Đàn, Mỹ Tho): Ba Tri, Bến Tre.  | 50.000.000 |
| 22   | Đạo Hữu ẮN DANH (Pháp), nhận ngày 29-11.   | EUR 20     |
| <b>Tổng cộng: 20 EUR + 114.700.000 VNĐ</b> |  |            |

## ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

### CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẮN TỔNG KINH SÁCH CAO ĐÀI

“Giáo lý Đạo Trời cốt đem lại những gì hạnh phúc cho vạn loại, cho tất cả mọi tầng lớp chúng sanh, không riêng cho lớp người nào, cho tôn giáo nào, cho phe phái nào. Nếu có riêng là riêng cho những người dục vọng bại hoại lương tri.

Còn sự phổ thông giáo lý Đại Đạo cũng không dành riêng cho lớp người nào. Ai cũng có thể làm được, miễn là hiểu được đường lối, mục đích và chủ trương cao cả của nó. Việc làm này không luận là lớn tuổi, nhỏ tuổi, không luận là hội thánh hay tòa thánh, cũng không luận là có đạo nhiều năm hay người mới vào, ít tuổi đạo. Nó đã đến, đang đến và sẽ đến với những ai am tường Thiên ý, học hỏi đạo lý, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá.”

**Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh**

*Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-7 Bình Ngọc (20-8-1967) \**

“... Muốn hoằng khai cho thiên hạ biết được Đạo, phải qua trung gian của thiên hạ, tức là con người, là chư Thiên mạng có trọng trách thế Thiên hành đạo. Thế Thiên hành đạo không phải chỉ ở hàng chức sắc, chức vụ phẩm vị cao, mà bất cứ ai có tâm thành vì Đạo, có nhận thức đạt được lý Đạo, đều có thể hoằng khai với bất cứ hình thức nào.”

**Đức Đông Phương Chương Quân**

*Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Canh Tuất (18-8-1970) \**

\* Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, *Thánh Giáo Suu Tập Năm Bình Ngọc - Đình Mùi (1966-1967)*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 251.

\* Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, *Thánh Giáo Suu Tập Năm Canh Tuất - Tân Hợi (1970-1971)*. Sài Gòn: 1973, tr. 99, 100.

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH CAO ĐÀI**

Địa chỉ liên hệ thỉnh kinh sách ấn tổng (kính biểu):

**MIỀN TRUNG: HỘI THÁNH CAO ĐÀI CẦU KHO – TAM QUAN.**

Khối 2, thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3765010

**QUẦY VĂN HÓA PHẨM (BAN KINH HỘ – HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).**

80B Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng ☎ 0511-3887760

**THÁNH ĐƯỜNG QUI NHƠN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).**

55 Hàm Nghi, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định ☎ 056-3523716

**MIỀN NAM: MINH LÝ THÁNH HỘI (TAM TỔNG MIẾU).**

82 Cao Thắng, phường 4, quận 3 ☎ 08-38358181

**THÁNH THẤT BÀU SEN.** 59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5 ☎ 08-38355733

**THÁNH THẤT TỪ VÂN (HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI).**

100 Thích Quảng Đức, P 5, quận Phú Nhuận ☎ 08-8421779

**Truyền Trạng THANH CĂN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).**

40/28 Nguyễn Khoái, phường 2, quận 4 ☎ 01279945081

**MIỀN ĐÔNG: THÁNH TỊNH NGỌC CHIẾU (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).**

Khu phố Long Thới, thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương ☎ 0953603029

**NGUYỄN VĂN ĐẠO.** Thị trấn Xuân Lộc, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai ☎ 01693113723

**MIỀN TÂY: THÁNH TỊNH LINH TIÊU ĐIỆN (HỘI THÁNH CAO ĐÀI TIÊN THIÊN).**

Xã Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ☎ 075-3899995

**LÊ QUỐC VIỆT (HỘI THÁNH CAO ĐÀI MINH CHƠN ĐẠO).**

117 Quốc Lộ 1A, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ☎ 0919434444

**LÊ THỊ HỮU, LÊ THỊ MẠNH.** 235 tổ 15, Tân Quới Hưng, xã Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long ☎ 070-3816363

**Phó Trị Sự LÊ VĂN NGHIỆP.** Ấp Qui Nông A, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh ☎ 074-3890266 – 01689778032.

**NGUYỄN THỊ LIÊN.** 58/1 ấp 10, thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre ☎ 075-3602965

**THUẬN QUANG TINH (Lâm Đăng Tông).** 901 Lý Thường Kiệt, phường 5,

thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ☎ 073-6255258

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH CAO ĐÀI**

**KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

*IN LẦN THỨ BA*

*Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH*

*Biên tập: LÊ HỒNG SƠN*

*Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN*

*Vẽ bìa: LÊ ANH HUY*

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In 3.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN In FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản 1301-2011/CXB/18-225/TG, ngày 12-12-2011.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2012.

**SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)**

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **các điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biểu). Xin biết ơn sự hợp tác của Quý vị.